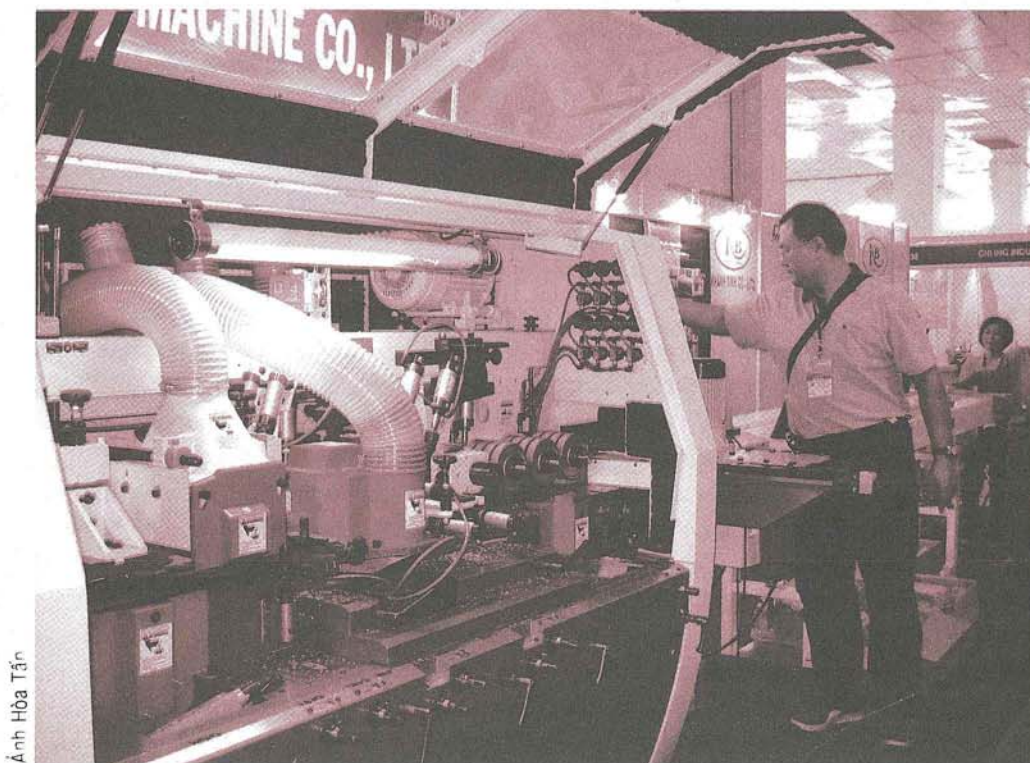




Ảnh Hòa Tấn

Sản xuất kinh doanh khu vực công nghiệp VN năm 2008 và viễn cảnh năm 2009

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN

1. Khái quát bối cảnh và hiện trạng sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp năm 2008

- Năm 2008, môi trường SXKD ngành công nghiệp trên toàn thế giới, kể cả VN bị tác động xấu trước hết và mạnh mẽ bởi khủng hoảng tài chính tại Mỹ đã làm giảm nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng công nghiệp của nước Mỹ và các nước khác như ô tô, dệt may, da giày, ... Điều này đã nảy sinh nguy cơ làm giảm khả năng xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến của VN vào thị trường Mỹ và các thị trường lớn khác như Nhật, EU. Hệ quả là sự tăng trưởng các hàng hoá xuất khẩu do công nghiệp tạo ra không theo như kế hoạch. Cụ thể: dầu thô đạt 12,4 triệu tấn, giảm 10,2%; than đá đạt 19,3 triệu tấn, giảm 35%; hàng dệt may đạt gần 8,4 tỷ USD, tăng 19%; hàng giày dép đạt 4,2 tỷ USD, tăng 18,3%;

sản phẩm gỗ đạt 2,5 tỷ USD tăng 20%; hàng điện tử, vi tính và linh kiện đạt 2,5 tỷ USD tăng gần 30%; túi xách, vali, mũ và ô dù đạt 756 triệu USD, tăng 32,6%; dây và cáp điện đạt 943 triệu USD, tăng gần 19%; sản phẩm nhựa đạt 857 triệu USD tăng 34%; sản phẩm đá quý và kim loại quý đạt 743 triệu USD, bằng 422% so cùng kỳ năm 2007; sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 205 triệu USD tăng 3,5%; sản phẩm gốm, sứ đạt 305 triệu USD tăng 3,4%.

- Trong những tháng cuối năm 2008, do khủng hoảng tài chính toàn cầu, làm cho nền kinh tế thế giới có xu hướng suy thoái, nhất là các nước có nền kinh tế phát triển, hệ quả làm cho giá một số nguyên liệu tiếp tục giảm: như dầu thô giảm xuống dưới 50 USD/thùng (khoảng 350-420 USD/tấn) và hiện ở mức dưới 40 USD/thùng (so

với mức cao điểm 147 USD/tấn vào tháng 7), phôi thép tiếp tục duy trì ở mức 300-320 USD/tấn (theo báo giá tại thị trường kim loại Luân Đôn ngày 21/11/2008, so với mức trên 1.000 USD/tấn vào tháng 6), các kim loại khác cũng đồng loạt giảm giá như: đồng còn 3.400-3.800 USD/tấn (so với mức giá tháng 8/2008 là 8000 USD/tấn), nhôm ở mức 1.700-2.100 USD/tấn. Sự giảm giá nguyên liệu trên thị trường thế giới đã tác động đến giá các sản phẩm hàng hóa sản xuất ở trong nước tiếp tục giảm, tuy nhiên mức giảm giá chưa tương ứng với mức giảm trên thị trường thế giới: giá thép xây dựng giảm còn 10 triệu đồng/tấn (khoảng 550 USD/tấn – theo báo giá của Tổng công ty Thép VN), xăng bán lẻ giảm còn 11.000 đ/lít (tương đương khoảng 700 USD/tấn), giá phân urê giảm còn 6 triệu đồng/tấn (so với giá tháng 8 là 9,2 triệu đồng/tấn). Do đó, hiện nay giá nhiều mặt hàng nguyên, nhiên liệu của ngành công nghiệp trong nước vẫn cao hơn (gấp 2 lần) so với giá trên thị trường thế giới và được các doanh nghiệp giải thích là do phải còn phải sử dụng các nguyên liệu nhập khẩu đầu năm giá cao.

- Do lãi suất những tháng đầu năm 2008, liên tục tăng lên từ 12%/ năm lên trên 20%/ năm, đã dẫn đến hệ quả là các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hạn chế vay vốn để mở rộng SXKD, vì vậy tốc độ tăng trưởng chậm lại. Điều này thể hiện rất rõ tốc độ tăng trưởng các tháng của năm 2008 như sau:

Tháng 11 năm 2008 giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) ước đạt 55.239 tỷ đồng tăng 3% so với tháng 10/2008 và tăng 15% so cùng kỳ năm 2007, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 6,9%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 18,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,9% so với cùng kỳ (trong đó dầu khí tăng 4,3%, các ngành khác tăng 19,4%).

Mười một tháng đầu năm 2008 GTSXCN ước đạt 601.478 tỷ đồng tăng 15,5% thấp hơn mức kế hoạch đề ra cho toàn ngành điều chỉnh năm 2008 (16,3%), trong đó khu vực quốc doanh tăng 5,6% và có tỷ trọng tiếp tục giảm trong GTSXCN cả nước (chiếm 24,2%), khu vực ngoài quốc doanh tăng 20,4% và có tỷ trọng so toàn ngành tiếp tục tăng chiếm 35%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,2% (trong đó dầu khí giảm 6,5%, các ngành khác tăng 20,9%) chiếm tỷ trọng

40,8% toàn ngành.

Mười một tháng đầu năm các sản phẩm đạt mức tăng trưởng cao hơn kế hoạch đề ra cho toàn ngành điều chỉnh năm 2008 (16,3%) gồm: thủy hải sản chế biến tăng 32,4%; sữa bột tăng 27%; quần áo các loại tăng 23,6%; sử dụng sinh các loại tăng 25%; đá ốp lát thường tăng 27,3%; nhôm thanh, hình tăng 24,4%; bình ắc quy tăng 50,4%; bóng đèn compact tăng 63,7%; tủ lạnh, tủ đá tăng 25,6%; máy giặt tăng 32,3%; bình đun nước nóng tăng 25,6%; biến thế điện tăng 26,7%; tivi các loại tăng 18,8%; ô tô tăng 46,3% (trong đó: xe chở khách tăng 43,3%; xe tải tăng 51,7%), tàu chở hàng bằng thép tăng 30,8% so cùng kỳ.

Một số sản phẩm có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhưng tăng trưởng thấp hơn kế hoạch toàn ngành như: khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng 9,3%; đường kính tăng 8,6%; bia các loại tăng 12,9%; thuốc lá điếu tăng 0,6%; xà phòng giặt các loại tăng 13,2%; giày, dép các loại tăng 7,7%; sơn hoá học các loại tăng 0,8%; phân hoá học tăng 3,1%; gạch xây bằng đất nung các loại tăng 9,4%; gạch lát ceramic tăng 3,9%; xi măng tăng 10,4%; xe máy tăng 5,8%; điều hoà nhiệt độ tăng 1,9%; điện sản xuất tăng 11,6%; nước máy thương phẩm tăng 13,7% so cùng kỳ.

Một số sản phẩm giảm so cùng kỳ như: than đá đạt 96,7%; dầu mỏ thô khai thác đạt 92,9%; khí hoá lỏng (LPG) đạt 81%; dầu thực vật tinh luyện đạt 99,7%; vải dệt từ sợi bông đạt 99,4%; vải dệt từ sợi tổng hợp đạt 96,7%; lốp ô tô, máy kéo các loại đạt 86,1%; sắn các loại đạt 92,8%; kính thủy tinh đạt 94,2%; thép tròn các loại đạt 88,8%; que hàn đạt 98,4%.

Các sản phẩm như: Điện, 11 tháng đầu năm 2008 điện sản xuất đạt 67,9 tỷ kwh tăng 11,6%, điện thương phẩm đạt 60,6 tỷ kwh tăng 13,5% so cùng kỳ; Dầu thô: Dầu thô khai thác đạt 13,27 triệu tấn giảm 7,1% so cùng kỳ. Khí thiên nhiên đạt 6,8 tỷ m³ tăng 9,3% so cùng kỳ; Than sạch khai thác: đạt 37,3 triệu tấn giảm 3,3% so cùng kỳ; Thép tròn các loại: đạt 3,25 triệu tấn giảm 11,2% so cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ giảm (nhiều công trình xây dựng dừng, giãn tiến độ) và lượng tồn kho còn nhiều (theo đánh giá của Hiệp hội Thép lượng thép tồn kho do các doanh nghiệp trong nước cán còn khoảng trên 400.000 tấn); Xi măng: đạt 33 triệu tấn tăng 10,4% so cùng kỳ; Bia: đạt 1,7 tỷ lít tăng 12,9% so cùng kỳ; Vải dệt

từ sợi bông: đạt 225 triệu m² giảm 0,6%, vải dệt từ sợi tổng hợp đạt 667 triệu m² giảm 3,3% so cùng kỳ.

- Đánh giá theo vùng lãnh thổ mười một tháng đầu năm các tỉnh, thành phố đạt mức tăng trưởng GTSXCN so cùng kỳ bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề ra cho toàn ngành điều chỉnh (16,3%) gồm: Hải Phòng tăng 18,3%, Vĩnh Phúc tăng 24%, Thanh Hoá tăng 17%, Bình Dương tăng 21,8%, Đồng Nai tăng 20,9%, Cần Thơ tăng 17,4%.

Một số tỉnh, thành phố chiếm tỷ trọng lớn đạt tỷ lệ tăng trưởng thấp so với kế hoạch toàn ngành hoặc giảm so cùng kỳ gồm: Hà Nội tăng 12,3%, Hải Dương tăng 14,7%, Phú Thọ tăng 15,1%, Quảng Ninh tăng 14%, Đà Nẵng tăng 8,5%, Khánh Hoà tăng 13,6%, TP.HCM tăng 12,2%, Bà Rịa – Vũng Tàu giảm 2,9%.

Từ tháng 11 đến nay, Ngân hàng Nhà nước thông báo giảm lãi suất cơ bản xuống 11%/năm, các ngân hàng thương mại đã đồng loạt giảm xuống mức 12-16% (tùy theo ngân hàng, đối tượng cho vay, kỳ hạn vay) đối với lãi suất cho vay (so với mức 16% của tháng trước) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn duy trì sản xuất kinh doanh.

Cùng với việc giảm lãi suất cho vay của ngân hàng, thì ngày 28/10/2008 Bộ Tài chính đã có quyết định số 92/2008/QĐ-BTC tiếp tục điều chỉnh giảm thuế xuất khẩu phôi thép và thép thành phẩm xuống 0% để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép tiêu thụ lượng thép tồn kho khoảng 1 triệu tấn hiện nay. Song sự phản ứng của các doanh nghiệp vẫn diễn ra chậm chạp, chưa thể hiện các yếu tố tích cực đối với nền kinh tế. Điều này thể hiện ở chỗ tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp có dấu hiệu chậm lại so với các tháng trước chỉ đạt 15,8% (các tháng trước ở mức 16,5%) do tác động của một số nguyên nhân như: giá nguyên vật liệu tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao, lãi suất ngân hàng mới giảm nên chưa có tác động tích cực ngay đối với sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, sức ép cạnh tranh của hàng nhập khẩu tiếp tục gia tăng sau khi mức thuế nhập khẩu các mặt hàng giảm xuống theo lộ trình hội nhập WTO và khả năng cạnh tranh yếu kém của các mặt hàng chế biến ở trong nước.

- Tốc độ tăng trưởng và khả năng cạnh tranh

thì khu vực công nghiệp của Nhà nước tiếp tục có mức tăng trưởng thấp so với các khu vực công nghiệp tư nhân và khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Điều này thể hiện khả năng cạnh tranh không cao của khu vực công nghiệp nhà nước. Còn khu vực công nghiệp tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục có mức tăng trưởng cao.. khả năng cạnh tranh tốt hơn.

- Đánh giá theo cơ cấu ngành công nghiệp, thì năm 2008, công nghiệp khai thác có tốc độ tăng trưởng thấp do việc hạn chế về trữ lượng của các mỏ dầu đang khai thác, trong khi các mỏ dầu mới phát hiện có trữ lượng không lớn, than khai thác giảm do chủ trương không khuyến khích xuất khẩu mặt hàng này (để tài nguyên cho công nghiệp điện vào những năm sắp tới). Còn các ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản có tốc độ tăng trưởng cao hơn, chuyển dịch theo hướng hiện đại hơn, khả năng cạnh tranh tốt hơn

- Đánh giá tăng trưởng công nghiệp theo vùng lãnh thổ, thì một số địa phương có tỷ trọng cao trong GTSXCN cả nước như Hà Nội, TP.HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu, song nếu so sánh cùng kỳ năm 2007. thì mức tăng trưởng không cao, thậm chí giảm.

- Về nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp: 11 tháng đầu năm, một số mặt hàng công nghiệp nhập khẩu có xu hướng tăng rõ rệt, trong đó đáng chú ý là những mặt hàng chủ yếu sau: Ôtô nguyên chiếc đạt trên 48,3 ngàn chiếc tăng 107%; linh kiện ô tô đạt gần 1,3 tỷ USD tăng 70,5%; linh kiện xe máy đạt 593 triệu USD tăng 13,8%; xăng dầu các loại đạt 11,8 triệu tấn tăng 3,1%; phân bón đạt gần 3 triệu tấn giảm 13% (trong đó phân urê đạt 754 ngàn tấn tăng 16,2%); thép các loại đạt 7,6 triệu tấn tăng 9,4% (trong đó phôi thép đạt 2,1 triệu tấn tăng 12%); giấy các loại đạt 839 ngàn tấn tăng 10%; bông các loại đạt 261 ngàn tấn tăng 33%; máy móc thiết bị và phụ tùng đạt 12,6 tỷ USD tăng 34,6%; tân dược đạt 761 triệu USD tăng 21%; hóa chất các loại đạt gần 1,7 tỷ USD tăng 30,4%; chất dẻo nguyên liệu đạt gần 1,6 triệu tấn tăng 5,6%; vải các loại đạt 4,1 tỷ USD tăng 15%; nguyên liệu dệt may da đạt gần 2,2 tỷ USD tăng 13,3%; máy tính và linh kiện điện tử đạt gần 3,4 tỷ USD tăng 28,1%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 1 tỷ USD tăng 12%, sữa và sản phẩm sữa đạt 491

triệu USD tăng 17,5%, thuốc trừ sâu nguyên liệu đạt 445 triệu USD tăng 35%; thức ăn gia súc đạt 1,64 tỷ USD tăng 58,7% so cùng kỳ. Sự gia tăng nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa trên vừa có tác động tích cực đến sản xuất để cung ứng cho thị trường nội địa, song nó cũng phản ánh mặt hạn chế làm gia tăng nhập siêu.

Tóm lại: Ngành công nghiệp VN năm 2008, cơ bản vẫn có tốc độ tăng trưởng nhanh so với các ngành khác, vẫn thể hiện là khu vực cốt yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên do môi trường thế giới biến động nhiều ngoại dự báo, do đó đã và đang gặp phải các khó khăn phải vượt qua. Đó là phải giảm các chi phí của các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa của ngành công nghiệp VN so với thế giới nhằm tăng lợi thế cạnh tranh (ngành công nghiệp phải luôn duy trì lợi thế này trong cạnh tranh). Nếu vẫn giữ giá như năm 2008 thì ngành công nghiệp VN sẽ thực sự khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa do mình tạo ra ở cả thị trường trong và ngoài nước.

2. Dự báo môi trường bên ngoài và bên trong tác động đến tăng trưởng công nghiệp nước ta năm 2009

Môi trường bên ngoài:

- Kinh tế thế giới năm 2009 được dự báo khó khăn hơn năm 2008, và ít khả năng phục hồi như dự báo trước đây. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố ngày 6/11 cho biết, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2008 vào khoảng 3,7%, nhưng sang năm 2009 có khả năng cụt 2,2%. Trong đó, Mỹ, Nhật và các nước châu Âu đều tăng trưởng âm. Riêng khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc vẫn duy trì được tăng trưởng, dù có giảm sút so với năm nay. Sự suy giảm này sẽ kéo theo sức mua giảm, hệ quả suy giảm sản xuất và nhiều công ty sẽ cắt giảm việc làm, tái cấu lại SXKD theo hướng thu hẹp. Điều này sẽ tác động xấu đến thị trường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp của VN và thực tế hiện nay số đơn hàng mà các công ty nhận được từ nước ngoài giảm hẳn so với năm 2007, năm 2008. Chẳng hạn ngành dệt may, chế biến thủy hải sản...

- Năm 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trụ cột của nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục giảm. Hệ quả sẽ dẫn đến việc giá nhiều loại nguyên, nhiên liệu giảm. Mặc dù điều này giúp

giảm áp lực lạm phát, nhưng cũng sẽ làm giảm triển vọng tăng trưởng của các nền kinh tế xuất khẩu dựa nhiều sản phẩm sơ chế như VN, nhất giá cả xuất khẩu sẽ giảm, làm cho tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu có nguy cơ giảm so với năm 2008.

- Năm 2009, IMF cũng dự báo rằng vấn đề có thể nghiêm trọng hơn trong ngắn hạn, khi chính phủ các nước sẽ phải đồng thời vừa phải đối phó với mức thâm hụt cán cân vãng lai lớn và vừa phải đối phó cả những yếu kém của khu vực ngân hàng lẫn khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đây sẽ là thách thức phải vượt qua.

- Các hoạt động kinh tế chậm lại cũng sẽ làm tăng tính dễ tổn thương ở các doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng trong nước. Khi kinh tế các nước suy thoái mạnh hơn, đặc biệt là ở các thị trường có quan hệ thương mại với VN và nơi có nguồn kiều hối lớn, thì tác động đến VN cũng mạnh hơn. Thêm vào đó, nguồn tài chính quốc tế thắt chặt sẽ làm giảm đầu tư trực tiếp và các luồng vốn từ nước ngoài khác. Với môi trường quốc tế như trên sẽ tạo ra nhiều nguy cơ cho sự tăng trưởng công nghiệp VN trong năm 2009

Môi trường trong nước:

- Năm 2009, môi trường đầu tư kinh doanh của VN vẫn được cộng đồng nhà đầu tư quốc tế đánh giá cao sự ổn định của và coi là địa bàn đầu tư tin cậy. Đặc biệt, cộng đồng nhà đầu tư rất tin tưởng vào triển vọng KT-XH VN trong giai đoạn trung và dài hạn. Đây sẽ là điểm mạnh để các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục vào SXKD ở VN, trong đó có ngành công nghiệp

- Năm 2009, dự báo tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là 6,5%, nghĩa là ngang với năm 2008 và thấp hơn các năm trước đó. Điều này chứng tỏ môi trường SXKD vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là vừa lạm phát trên 2 con số, vừa có nguy cơ suy thoái, giảm phát. Hệ quả tác động xấu đến tốc độ tăng trưởng công nghiệp năm 2009. Ngành công nghiệp trên nhiều lĩnh vực như sản xuất theo đơn hàng của nước ngoài sẽ có nguy cơ giảm, ngành chế biến xuất khẩu cũng giảm về tốc độ so với năm 2008.

- Mô hình tăng trưởng dựa vào ngành công nghiệp những năm qua là phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của một nền kinh tế phát triển theo chiều rộng như VN, song cũng phải thừa nhận

ràng, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả tăng trưởng của công nghiệp VN vẫn còn thấp, đã và đang phung phí nguồn lực tài nguyên trong nước và nguồn lực thu hút được từ bên ngoài. Điều này đòi hỏi ngành công nghiệp phải chú trọng tăng trưởng chiều sâu trong năm 2009.

- Thực tế cho thấy, nguồn thu của VN vẫn dựa nhiều vào việc bán tài nguyên, như đất đai, dầu mỏ (thu từ dầu mỏ chiếm 24,6% trong tổng thu cân đối năm 2008), trong khi thu từ sản xuất, chế biến công nghiệp, dịch vụ mới là phần thu lâu dài và bền vững thì chưa khẳng định được vị trí của nó. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, trong quá trình tăng trưởng công nghiệp theo chiều rộng đã dẫn đến không ít dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cũng cần được cảnh báo trong năm 2009.

- Trong thời gian tới dự kiến giá các mặt hàng công nghiệp ở trong nước sẽ tiếp tục giảm để tiệm cận với giá trên thị trường thế giới, góp phần giảm tỷ lệ lạm phát và có lợi cho người tiêu dùng trong nước, nhưng sẽ là khó khăn cho ngành công nghiệp trong cạnh tranh về chi phí ở thị trường trong và ngoài nước.

3. Viễn cảnh tăng trưởng ngành công nghiệp nước ta năm 2009

Với dự báo về những cơ hội, thách thức của môi trường quốc tế và trong nước như trên, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp năm 2009 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp vẫn tăng 14-15% so với năm 2008, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 8%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 16%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 19 % so với năm 2008.

- Các sản phẩm đạt mức tăng trưởng cao của năm 2009 vẫn là thủy hải sản chế biến; quần áo các loại; sứ vệ sinh các loại; đá ốp lát thường; nhôm thanh, hình; bình ắc quy; bóng đèn compact; tủ lạnh, tủ đá tăng; máy giặt; bình đun nước nóng.

- Một số sản phẩm có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhưng tăng trưởng vẫn thấp so với năm 2008 như: khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng; đường kính; bia các loại; thuốc lá điếu; xà phòng giặt các loại; giày, dép các loại; sơn hoá học các loại; phân hoá học; gạch xây bằng đất nung các loại; gạch lát ceramic; xi măng; xe máy;

điều hoà nhiệt độ; điện sản xuất; nước máy thương phẩm.

- Một số sản phẩm giảm so với 2008 như: dầu thô khai thác; khí hoá lỏng (LPG); dầu thực vật tinh luyện; vải dệt từ sợi bông; vải dệt từ sợi tổng hợp; lốp ô tô, máy kéo các loại; sắt các loại; kính thủy tinh; thép tròn các loại ...

- Theo dự báo, năm 2009, một số vùng lãnh thổ đạt mức tăng trưởng cao trên 17% về GTSXCN so với năm 2008 gồm: Hải Phòng tăng, Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Bình Dương, Đồng Nai và Cần Thơ .

- Dự báo công nghiệp khai thác có tốc độ tăng trưởng thấp do việc hạn chế về trữ lượng của các mỏ dầu đang khai thác, trong khi các mỏ dầu mới phát hiện có trữ lượng không lớn, than khai thác giảm do chủ trương không khuyến khích xuất khẩu mặt hàng này (để tài nguyên cho công nghiệp điện vào những năm sắp tới).

- Đánh giá theo vùng lãnh thổ: một số địa phương có tỷ trọng cao trong GTSXCN cả nước như Hà Nội, TP.HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu nhưng mức tăng trưởng không cao hoặc bằng so với năm 2008.

4. Khuyến nghị về cơ chế chính sách

Chính sách cho năm 2009

- Về chính sách tiền tệ, tài chính: Các ngân hàng thương mại cần tiếp tục cắt giảm lãi suất cho vay (ở mức khoảng 10%/năm) đối với các dự án đầu tư hạ tầng, dự án sản xuất, xuất khẩu sản phẩm thuộc danh mục khuyến khích để thúc đẩy các doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả tài chính.

- Về giá cả: Có biện pháp thúc đẩy cạnh tranh và kiểm soát giá cả để các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu đảm bảo việc giảm giá các mặt hàng quan trọng như xăng dầu, sắt thép, xi măng, cước vận tải xuống mức giá hợp lý (trên cơ sở giá đầu vào + mức lãi hợp lý).

- Để thúc đẩy tiêu thụ thép thành phẩm và xi măng đề nghị các Bộ, ngành, địa phương có chính sách hỗ trợ để kích cầu các sản phẩm này như: tiếp tục triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; các dự án phát triển hạ tầng như đường cao tốc, đường quốc lộ, cầu, cảng,...; thúc đẩy tiến độ giải ngân các dự án ODA, FDI (giải phóng mặt bằng, đơn giản thủ tục đầu tư,...).

- Ngành thép: Đề nghị tăng thuế nhập khẩu

phôi thép lên 5% để bảo hộ các doanh nghiệp sản xuất phôi thép ở trong nước (hiện đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu về phôi thép xây dựng). Về thép thành phẩm (thép dài) đề nghị tăng thuế nhập khẩu lên 20% để bảo hộ các doanh nghiệp cán thép. Tuy nhiên, Bộ Tài chính cần xem xét để giảm thuế nhập khẩu thép thành phẩm xuống mức 10% sau khi các doanh nghiệp cán thép đã giảm được lượng tồn kho trong toàn ngành xuống mức bình thường (khoảng 300.000 tấn) để giảm giá thành thép thành phẩm, tạo điều kiện để các doanh nghiệp xây dựng có sản phẩm thép với giá hợp lý.

- Đối với ngành dệt may và da giày: đề nghị Bộ Tài chính xem xét giảm thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu (xơ sợi tổng hợp đề nghị giảm thuế xuống 0%, các nguyên liệu khác đề nghị giảm bằng mức trước năm 2007). Hỗ trợ các doanh nghiệp đàm phán mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, cụ thể là thị trường Nga, Nam Mỹ.

Chính sách cho dài hạn:

- Tái cơ cấu ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hai hướng:

Thứ nhất: Thực hiện đồng bộ các chính sách từ thu hút đầu tư, các chính sách tài chính tiền tệ, chính sách lao động tiền lương ... đều tập trung cho việc khuyến khích các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, ít sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm. Để thực hiện điều này cần:

- Ban hành và công bố danh mục các ngành công nghiệp bị kiểm soát và hạn chế đầu tư, các ngành công nghiệp được khuyến khích. Chẳng hạn công nghiệp xi măng, cán thép đó vượt quá nhiều nhu cầu nội địa. Đây là những ngành công nghiệp có giá trị gia tăng trong sản phẩm thấp, ô nhiễm môi trường cao, tốn nhiều tài nguyên đất đai, năng lượng... cần phải kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép.

- Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu công nghệ bằng các quy định cụ thể, có điều kiện cho loại công nghệ được phép nhập khẩu. Khuyến khích áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao, tiêu hao ít vật tư, năng lượng và bảo vệ môi trường. Đổi mới công nghệ, thiết bị lạc hậu đối với các dây chuyền sản xuất hiện

có. Lựa chọn thiết bị, công nghệ tiên tiến đối với đầu tư mới. Áp dụng hình thức quản lý tiên tiến - sản xuất sạch hơn.

- Gia tăng mức độ chế biến sâu đối với các sản phẩm.

- Xây dựng các thương hiệu nội địa mạnh, uy tín để tăng giá trị hàng hoá.

- Thúc đẩy nhanh sự ra đời và phát triển của ngành công nghiệp môi trường.

Thứ hai: Tập trung quyết liệt việc phát triển hệ thống công nghiệp hỗ trợ (CNHT)

Để phát triển nhanh, có hiệu quả CNHT, cần:

- Thành lập cơ quan đầu mối đủ mạnh để có chính sách, kế hoạch phát triển CNHT một cách nhất quán, hiệu quả.

- Thiết lập nhanh hệ thống cơ sở dữ liệu cho CNHT.

- Lựa chọn các nhóm ngành CNHT cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn.

- Phối hợp chặt chẽ với đối tác Nhật trong khuôn khổ Nghị định hợp tác kinh tế Việt - Nhật.

- Dành quỹ đất cho các khu CNHT thí điểm, trước hết là ở các khu kinh tế trọng điểm.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước theo hướng: Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh hiệu quả (thủ tục hành chính thông thoáng, bảo đảm mặt bằng cho doanh nghiệp, giảm chi phí lưu thông thông qua nâng cấp hạ tầng giao thông, bến cảng; thủ tục hải quan... Thực thi chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các ngành, sản phẩm thuộc công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn đến năm 2020 đó được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối xử bình đẳng trong thực thi pháp luật và chính sách của Nhà nước đối với mọi loại hình sản xuất, kinh doanh (tiếp cận các nguồn vốn của Nhà nước, chống hàng nhái, hàng giả, trốn thuế, gian lận thương mại, xử lý chất thải bảo vệ môi trường,...). Bảo đảm thực thi chính sách khuyến khích đổi mới và áp dụng công nghệ tiên tiến; sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sạch không gây ô nhiễm môi trường. Lựa chọn các nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính, trình độ công nghệ cao và quản lý sản xuất hiệu quả thực hiện các dự án quy mô lớn tầm quốc gia (dầu thầu dự án).

- Cần có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp mới, đáp ứng nhu cầu của

các ngành theo từng giai đoạn phát triển (đến năm 2010; 2011-2015 và 2016-2020) và có chính sách hỗ trợ các chương trình đào tạo nguồn nhân lực do các doanh nghiệp công nghiệp.

- Xác định, lựa chọn các đối tác chiến lược cho ngành, cho các doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị các công ty đa quốc gia (MNC).

- Để thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị các MNC cần có các giải pháp đồng bộ sau:

- Củng cố và nâng cao vai trò hoạt động của các tổ chức hiệp hội chuyên ngành, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nhằm tổ chức có hiệu quả việc liên kết các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài trong chuỗi các MNC.

- Kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa trong việc sản xuất các sản phẩm phụ trợ.

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chợ công nghệ làm cầu nối giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Xây dựng và ký kết các hợp đồng liên kết kinh tế với các quốc gia trong khu vực để phối hợp và tận dụng năng lực của nhau và để bước đầu tạo dựng cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất kinh tế toàn cầu.

- Hệ thống định mức một mặt là công cụ quản lý, mặt khác cũng là cơ sở để thực hiện tiết kiệm, là thước đo hiệu quả kinh doanh. Do những tác động của môi trường kinh doanh, đặc biệt là sự tiến bộ của KHCN, hệ thống định mức ở nhiều nhóm ngành thay đổi nhanh chóng. Bởi vậy, cần hoàn thiện hệ thống này theo hướng sau:

- Phân chia, phân loại lại nhóm ngành, nhóm sản phẩm theo các tiêu chí phù hợp với các thông lệ quốc tế trên cơ sở mềm, mở và nhiều thước đo, nhiều đơn vị tính.

- Ban hành văn bản quy phạm về hướng dẫn xây dựng hệ thống định mức.

- Tổ chức hệ thống quản lý, thống kê, giám sát định mức ở phạm vi quản lý ngành.

- Ban hành hướng dẫn xây dựng hệ thống định mức cho các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ để sử dụng định mức như một thước đo phân tích hiệu quả kinh doanh.

- Từ hệ thống định mức, phát hành cuốn "*Cẩm nang tiết kiệm chi phí*" cho các doanh nghiệp tham khảo, tổ chức thực hiện

Tóm lại: Năm 2008, trong bối cảnh nhiều thách thức, khó khăn, song ngành công nghiệp đã tìm được cách đi phù hợp để đảm bảo tăng trưởng 15%/năm, trong đó nhiều lĩnh vực tăng trưởng khá như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên sự tăng trưởng đó chủ yếu theo chiều rộng, về lượng, chưa chưa thật sự làm biến đổi về chất, chưa đảm bảo cho tăng trưởng bền vững.

Năm 2009, môi trường SXKD của ngành công nghiệp có thể xuất hiện nhiều yếu tố khó khăn hơn, vì vậy ngành công nghiệp cần phải tiếp tục tìm cách vượt qua theo phương châm ngành nào có nhiều cơ hội thì phải kịp thời nắm lấy, để gia tăng tốc độ tăng trưởng, ngành nào nhiều khó khăn- thách thức thì phải tiến hành tái cấu trúc lấy thị trường nội địa làm cơ sở cho tăng trưởng ■



Ảnh Hòa Tấn

Tài liệu tham khảo:

- Vụ Kinh tế Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Số liệu ước tính của Vụ Công nghiệp và Xây dựng, Tổng cục Thống kê
- Số liệu Báo cáo của Chính phủ tháng 11/2008
- PGS. TS. Phan Đăng Tuất, KTQL số tháng 11/2008